

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1201/2017/ LD-PT
Ngày: 26/12/2017
V/v “Đơn phương chấm dứt hợp
đồng lao động”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Út

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thoa

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Hồng Phụng - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/LĐPT ngày 18/10/2017 về việc “Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”

Do bản án lao động sơ thẩm số 13/2017/LĐ - ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2665/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Kim D**, sinh năm:1993

Địa chỉ: Số 96/90 đường T, phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn L**

Địa chỉ: Số 112/17 đường N, khu phố E, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông **Vũ Trọng H**, sinh năm 1989

(văn bản ủy quyền ngày 10/7/2017)

Địa chỉ: Số I-20 Chợ H, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của nguyên đơn bà **Trần Thị Kim D** và bị đơn **Công ty trách nhiệm hữu hạn L**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà **Trần Thị Kim D** trình bày:

Ngày 01/9/2015, bà **D** và Công ty **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** (sau đây gọi tắt là **Công ty L**) ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, lương căn bản là 3.450.000 đồng, lương thỏa thuận thực tế là 7.000.000 đồng.

Ngày 05/01/2016, **Công ty L** đã gửi thông báo chấm dứt hợp đồng lao động cho bà với lý do “Không phù hợp với công ty, không đạt hiệu suất công việc công ty mong muốn”.

Sau đó bà **D** vẫn tiếp tục làm việc đến ngày 19/2/2016 thì bị buộc nghỉ việc theo thông báo ngày 05/01/2016.

Đến ngày 20/7/2016, bà **D** nhận được Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 02/QĐNV-16 ngày 06/2/2016 với nội dung: “Căn cứ vào đơn xin nghỉ việc của anh/chị **Trần Thị Kim D**” nhưng bà **D** không viết đơn xin nghỉ việc hoặc bất cứ giấy tờ gì liên quan đến việc xin nghỉ việc. Do đó Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động ngày 06/2/2016 là Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không đúng quy định pháp luật.

Nay Tại Tòa bà **D** yêu cầu: Buộc **Công ty L** bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động 14.000.000 (Mười bốn triệu đồng); Buộc **Công ty L** phải trả tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 19/2/2016 đến ngày 08/9/2017 là 18 tháng 17 ngày. Tổng cộng là 130.500.000 (Một trăm ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng); Thanh toán trực tiếp cho bà **D** tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những tháng không được làm việc từ tháng 3 năm 2016 đến ngày 8/9/2017 là 29.260.000 (Hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng); Buộc **Công ty L** thu hồi Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 02/QĐNV-16 ngày 06/2/2016 và nhận bà **D** trở lại làm việc; Bồi thường thêm 02(hai) tháng tiền lương là 14.000.000 (Mười bốn triệu đồng) theo khoản 3 Điều 42 Bộ Luật lao động.

Tổng cộng là: 187.760.000 (Một trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)

Đồng thời, bà **D** xác nhận **Công ty L** đã trả tiền bảo hiểm cho bà đến tháng 2 năm 2016. Hiện bà **D** đang giữ sổ bảo hiểm xã hội.

Bị đơn **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** ủy quyền cho ông **Vũ Trọng H** trình bày:

Đại diện bị đơn nhất trí nội dung trình bày của phía nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn ngày 01/9/2015, nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng.

Do trong quá trình **công ty TNHH L** hoạt động đến tháng 12/2015 đã không còn đủ doanh thu hoạt động. Công ty đã phải mượn tiền từ nhân viên để chi trả bảo hiểm xã hội và tiền lương của các nhân viên khác.

Vì thế, đến đầu tháng 01 năm 2016 **Công ty L** quyết định tái cơ cấu lại doanh nghiệp, quyết định cho một số nhân viên thôi việc trong đó có bà **Trần Thị Kim D**.

Ngày 05/01/2016, Công ty đã ra thông báo thôi việc cho bà **Trần Thị Kim D** và đến ngày 19/02/2016 thì bà **D** không đến **công ty** làm việc theo thông báo ngày 05/01/2016.

Công ty L đã chi trả lương cho bà **D** đến tháng 2 năm 2016 kèm theo khoản thưởng tết là 5.250.000 (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). **Công ty L** đã chi trả tiền bảo hiểm xã hội cho bà **D** đến tháng 2 năm 2016 và đã bàn giao lại sổ bảo hiểm xã hội lại cho bà **D**.

Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 02/QĐNV-16 ngày 06/2/2016 đối với bà **Trần Thị Kim D** thực tế được lập vào ngày 16/4/2016 nhưng do sơ sót trong quá trình đánh máy nên ghi nhầm là ngày 06/2/2016. Bà **D** nhận được quyết định trên vào ngày 20/7/2016

Công ty L cũng xác nhận là không nhận được đơn xin thôi việc của bà **D**. Lý do Quyết định chấm dứt hợp đồng nêu căn cứ “ Đơn xin nghỉ việc của bà **Trần Thị Kim D**” là do sơ suất của bộ phận hành chính Công ty. Nay tại Tòa **Công ty L** không đồng ý với các yêu cầu đòi bồi thường của bà **D** do **Công ty L** đã tiến hành đúng trình tự quy định về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà **D**. Đối với yêu cầu nhận bà **D** trở lại làm việc Công ty không có ý kiến. Trường hợp Hội đồng xét xử buộc **Công ty L** phải nhận bà **D** trở lại làm việc Công ty sẽ chấp hành theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Vương Khánh T trình bày: **Công ty L** đã đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật với bà **Trần Thị Kim D**. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

* Tại bản án lao động sơ thẩm số 13/2017/LĐ -ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 2 , xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn

Hủy bỏ Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 02/QĐNV-16 ngày 06/2/2016 của **Công ty trách nhiệm hữu hạn L**.

Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** phải nhận bà **Trần Thị Kim D** trở lại làm việc theo hợp đồng lao động ngày 01/9/2015 giữa **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** và bà **Trần Thị Kim D**.

Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** phải thanh toán cho bà **Trần Thị Kim D** các khoản sau đây:

Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động 7.000.000 (bảy triệu đồng) x 2 = 14.000.000 (Mười bốn triệu đồng)

Công ty L phải trả tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 19/2/2016 tạm tính đến ngày 08/9/2017 là 18 tháng 17 ngày. Tổng cộng là 130.500.000 (Một trăm ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng cộng: 144.500.000 (một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng)

Không chấp nhận yêu cầu của bà **Trần Thị Kim D** về việc đòi bồi thường thêm hai tháng tiền lương là 14.000.000 (Mười bốn triệu đồng) theo khoản 3 Điều 42 Bộ Luật lao động năm 2012.

Không chấp nhận yêu cầu của bà **Trần Thị Kim D** về việc yêu cầu **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** phải thanh toán trực tiếp cho bà **D** tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những tháng không được làm việc từ tháng 3 năm 2016 đến ngày 8/9/2017 với số tiền 29.260.000 (Hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** cùng với bà **Trần Thị Kim D** phải thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà **Trần Thị Kim D** trong thời gian bà **D** không được làm việc từ ngày 19/2/2016 tạm tính đến ngày 8/9/2017 theo mức lương hai bên thỏa thuận đóng bảo hiểm xã hội là 3.800.000 (ba triệu tám trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Công ty trách nhiệm hữu hạn L phải tiếp tục thực hiện việc chi trả tiền Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà **D** từ ngày 9/9/2017 cho đến khi **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** nhận bà **Trần Thị Kim D** trở lại làm việc.

Bà **D** có trách nhiệm nộp lại sổ bảo hiểm xã hội cho **Công ty L** để Công ty đóng bảo hiểm cho bà **D** theo quy định.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí nguyên đơn không phải nộp án phí. Bị đơn **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** phải nộp án phí sơ thẩm là 4.335.000(bốn triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) .**Công ty L** chưa nộp án phí.

Ngày 21/9/2017 nguyên đơn bà **Trần Thị Kim D** nộp đơn kháng cáo: Đề nghị Tòa Phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 13 ngày 08/9/2017 như sau:

- Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** thanh toán tiền BHXH,BHYT,BHTN của **bà D** trong những tháng **bà D** không đóng BHXH,BHYT,BHTN với mức lương đóng 7.000.000đồng/tháng.

- Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** thanh toán trực tiếp cho **bà D** số tiền BHXH,BHYT,BHTN mà **bà D** trong suốt thời gian không được làm việc.

- Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** thanh toán khoản tiền tiền lương và BHXH,BHYT,BHTN cho **bà D** không được **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** trả trong những ngày không được làm việc. kể từ sau ngày 08/9/2017.

Ngày 25/9/2017 bị đơn **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** nộp đơn kháng cáo: Đề nghị Hủy bỏ những yêu cầu đòi bồi thường của nguyên đơn mà bản án sơ thẩm đã chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà **Trần Thị Kim D** xin rút 1 phần yêu cầu kháng cáo như sau:

Rút yêu cầu: Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** thanh toán trực tiếp cho **bà D** số tiền BHXH,BHYT,BHTN mà **bà D** trong suốt thời gian không được làm việc; Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** thanh toán khoản tiền tiền lương và BHXH,BHYT,BHTN cho **bà D** không được **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** trả trong những ngày không được làm việc. kể từ sau ngày 08/9/2017.

Ngoài ra **bà D** vẫn giữ yêu cầu **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** đóng tiền BHXH,BHYT,BHTN trong những tháng **bà D** không được làm việc với mức lương đóng 7.000.000đồng/tháng.

- **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** không đồng ý các yêu cầu đòi bồi thường của **bà D**. Đối với việc án sơ thẩm buộc công ty nhận **bà D** trở lại làm việc công ty không có ý kiến gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của **Trần Thị Kim D** và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của **Công ty trách nhiệm hữu hạn L**.

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 18/12/2017 Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa và Tòa án đã triệu tập hợp lệ nguyên đơn bà **Trần Thị Kim D** để tiếp tục xét xử nhưng bà **D** có đơn xin vắng mặt.

Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bà **D**.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà **D** xin rút lại yêu cầu kháng cáo: Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** thanh toán trực tiếp cho bà **D** số tiền BHXH, BHYT, BHTN mà bà **D** trong suốt thời gian không được làm việc; Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** thanh toán khoản tiền tiền lương và BHXH, BHYT, BHTN cho bà **D** không được **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** trả trong những ngày không được làm việc kể từ sau ngày 08/9/2017.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo trên của bà **D**.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà **D** yêu cầu **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN trong những tháng bà **D** không được làm việc với mức lương đóng 7.000.000đồng/tháng.

Xét; Ngày 26/8/2015 **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** ra thông báo lương cho bà **D** như sau: Lương cơ bản 3.450.000đồng/tháng và lương thỏa thuận 7.000.000đồng/tháng. Tháng 01/2016 Lương cơ bản 3.800.000đồng/tháng và lương thỏa thuận 7.000.000đồng/tháng. Theo sự thỏa thuận trên hợp đồng đã ký ngày 01/9/2015 giữa bà **D** và công ty thì mức đóng BHXH, BHYT, BHTN trên mức lương căn bản.

Tuy nhiên, Theo thông báo lương ngày 26/8/2015 của **Công ty trách nhiệm hữu hạn L**.

Lương thỏa thuận: Là mức thu nhập hàng tháng của nhân viên, bao gồm lương cơ bản, phụ cấp trách nhiệm và các khoản bồi dưỡng lao động, đảm bảo trách nhiệm hoàn thành một cách hiệu quả các công việc mà công ty giao nhưng chưa bao gồm các khoản thưởng, phạt;

Tại phiên tòa, phía công ty cho rằng mức lương thỏa thuận là 7.000.000đồng bao gồm các khoản chung không chia ra từng khoản nào gộp chung trừ khoản thưởng, phạt;

Theo quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc Ban hành quy trình thu Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động, Bệnh nghề nghiệp, Quản lý sổ Bảo hiểm xã hội, thẻ Bảo hiểm y tế.

Tại mục 2.1 khoản 2 Điều 6 quy định “ Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2017 tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc là mức lương và phụ cấp lương theo quy định tại khoản 1 và Điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/ 11/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội... Phụ cấp lương theo quy định là các khoản phụ cấp lương để bù đắp yếu tố về điều kiện lao động, tính chất phức tạp công việc, điều kiện sinh hoạt, mức độ thu hút lao động mà mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động chưa được tính đến hoặc tính chưa đầy đủ như phụ cấp chức vụ, chức danh, phụ cấp trách nhiệm; phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, phụ cấp thâm niên, phụ cấp khu vực ; phụ cấp lưu động; phụ cấp thu hút và các phụ cấp có tính chất tương tự”

Do đó, việc **bà D** kháng cáo mức lương để đóng BHXH,BHYTE,BHTN cho **bà D** kể từ tháng 03/2016 đến khi nhận **bà D** trở lại làm việc với mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là là 7.000.000đồng/tháng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu kháng cáo của **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** Phía công ty thừa nhận do **công ty** làm sai thủ tục cho **bà D** nghỉ việc nhưng công ty không đồng ý bồi thường các khoản cho **bà D** như án sơ thẩm.

Xét; Hợp đồng lao động giữa **bà D** với công ty ký ngày 01/9/2015 là loại hợp đồng không xác định thời hạn. Lương thỏa thuận 7.000.000đồng/tháng

Ngày 04/01/2016, **Công ty L** đã thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với **bà D** với lý do “Không phù hợp với công ty, không đạt hiệu suất công việc công ty mong muốn”

Ngày 06/2/2016 Công ty ra quyết định số 02/QĐNV-16 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với **bà D** kể từ ngày 19/02/2016 lý do “Căn cứ vào đơn xin nghỉ việc của anh/chị **Trần Thị Kim D**”

Tại phiên tòa phía đại diện công ty có trình bày: Do **công ty** làm sai quy trình khi cho **bà D** xin nghỉ việc, do đó việc buộc nhận **bà D** trở lại làm việc thì công ty không có ý kiến nhưng công ty không đồng ý các khoản bồi thường cho **bà D**. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy công ty cho **bà D** nghỉ việc không đúng theo quy định của pháp luật nên căn cứ tại Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012 quy định về nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật “ Phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp

đồng đã giao kết và phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất hai tháng lương theo hợp đồng lao động.... Trường hợp người sử dụng lao động không muốn nhận lại người lao động và người lao động đồng ý, thì ngoài khoản tiền bồi thường quy định tại khoản 1 Điều này và trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật này, hai bên thỏa thuận khoản tiền bồi thường thêm nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động để chấm dứt hợp đồng lao động.” Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc **Công ty L** phải nhận **bà D** trở lại làm việc và bồi thường **bà D** các khoản gồm.

Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động 7.000.000 (bảy triệu đồng) x 2 = 14.000.000 (Mười bốn triệu đồng)

Công ty L phải trả tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 19/2/2016 tạm tính đến ngày 08/9/2017 là 18 tháng 17 ngày. Tổng cộng là 130.500.000 (Một trăm ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng cộng: 144.500.000 (một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận. Do đó, công ty kháng cáo không đồng ý bồi thường các khoản trên cho **bà D** là không có cơ sở chấp nhận.

Công ty tiếp tục trả lương cho **bà D** kể từ ngày 09/9/2017 cho đến khi nhận **bà D** trở lại làm việc theo mức lương 7.000.000 đồng/tháng

Ngoài ra, án sơ thẩm tuyên: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Là không đúng nên điều chỉnh lại cho chính xác theo Điều 96 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều này được hướng dẫn tại điểm b, khoản 2, Điều 24 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của **Trần Thị Kim D** và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của **Công ty trách nhiệm hữu hạn L**. Sửa bản án sơ thẩm.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở chấp nhận.

Đối với những phần quyết định khác của án sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng cho **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008382 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 42, Điều 96 Bộ Luật lao động năm 2012; điểm b, khoản 2, Điều 24 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động; quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc Ban hành quy trình thu Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động, Bệnh nghề nghiệp, Quản lý sổ Bảo hiểm xã hội, thẻ Bảo hiểm y tế.

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

- Điều 6,7,9,30 của Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà **Trần Thị Kim D** và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của **Công ty trách nhiệm hữu hạn L**.

2. Sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số 13/2017/LĐ-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với bà **Trần Thị Kim D**.

- Hủy bỏ Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 02/QĐNV-16 ngày 06/2/2016 của **Công ty trách nhiệm hữu hạn L**.

- Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** phải nhận bà **Trần Thị Kim D** trở lại làm việc theo hợp đồng lao động ngày 01/9/2015 giữa **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** và bà **Trần Thị Kim D**.

Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** phải thanh toán cho bà **Trần Thị Kim D** các khoản sau đây:

Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động 7.000.000 (bảy triệu đồng) x 2 = 14.000.000 (Mười bốn triệu đồng)

Công ty L phải trả tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 19/2/2016 tạm tính đến ngày 08/9/2017 là 18 tháng 17 ngày. Tổng cộng là 130.500.000 (Một trăm ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng cộng: 144.500.000 (một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng)

Công ty trách nhiệm hữu hạn L tiếp tục trả lương trong những ngày **bà D** không được làm việc kể từ ngày 09/9/2017 cho đến khi nhận **bà D** trở lại làm việc theo mức lương 7.000.000đồng/tháng

- **Bà D** và **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** cùng có trách nhiệm liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp, từ tháng 3/2016 đến khi nhận **bà D** trở lại làm việc, theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, với mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là 7.000.000đồng/tháng

- **Bà D** có trách nhiệm nộp lại số bảo hiểm xã hội cho **Công ty L** để Công ty đóng bảo hiểm cho **bà D** theo quy định.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu; Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** thanh toán trực tiếp cho **bà D** số tiền BHXH, BHYT, BHTN mà **bà D** trong suốt thời gian không được làm việc; Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** thanh toán khoản tiền tiền lương và BHXH, BHYT, BHTN cho **bà D** không được **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** trả trong những ngày không được làm việc. kể từ sau ngày 08/9/2017 của **bà D**.

Kể từ ngày **bà D** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** chưa thanh toán đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** còn phải trả thêm một khoản tiền ít nhất bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của ngân hàng thương mại, nơi doanh nghiệp, cơ quan mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

3. Án phí lao động sơ thẩm: **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 4.335.000(bốn triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng)

4. Án phí dân sự phúc thẩm: **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** không phải chịu án phí phúc thẩm.

- Hoàn lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng cho **Công ty trách nhiệm hữu hạn L** theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008382 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM ;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND Quận 2;
- Chi cục THADS Quận 2;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (16)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Út